TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13 - AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 26 - 9 - 2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Quang.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đoàn Văn Hiển.

Bà Trương Thị Thu Thủy.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Huỳnh Thanh Châu - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13 - An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - An Giang tham gia phiên tòa: Không có.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 – An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 430/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 278/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 431/2025/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đào Bảo L, sinh năm 1978 (căn cước công dân 089078002198); cư trú tại: Ấp P, xã CP, tỉnh An Giang; chỗ ở hiện nay: Số 301H Nguyễn Khắc Nhu, phường BĐ, tỉnh An Giang. Vắng mặt

- *Bị đơn:* Bà Huỳnh Thị P, sinh năm 1982 (căn cước công dân 089182030712); cư trú tại: Ấp MT, xã VTT, tỉnh An Giang. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 13/01/2025 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Đào Bảo L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà P do quen biết, tìm hiểu nên tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2005 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phú Vĩnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang vào ngày 08/10/2013. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, hiện đã ly thân từ năm 2022. Trong thời gian ly thân ông và bà P nhiều lần liên hệ để vợ chồng hàn gắn nhưng không có kết quả. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu ly hôn với bà P.

- Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên Đào Nguyên K, sinh ngày 14/7/2006 và Đào Khả H, sinh ngày 15/7/2012, hiện 02 (hai) con chung đang sống với ông L. Khi ly hôn ông yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Đào Khả H, không yêu cầu bà P cấp dưỡng cho con. Đối với con chung tên Đào Nguyên K hiện đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Huỳnh Thị P vắng mặt không lý do, không có văn bản trình bày ý kiến về vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn cư trú tại xã VTT (trước đây là xã MP, huyện CP), tỉnh An Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án nhân dân khu vực 13 - An Giang thụ lý giải quyết là đúng với quy định pháp luật.

[1.2] Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không lý do. Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông L và bà P xác lập hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phú Vĩnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang (nay là xã CP, tỉnh An Giang) theo giấy chứng nhận kết hôn số 109 ngày 08/10/2013. Do đó, hôn nhân của ông bà là hợp pháp nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 9 và Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và phải có nghĩa vụ chung sống với nhau. Tuy nhiên, ông L và bà P đã không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; cả hai đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Thời gian ly thân là quãng thời gian dài ông bà đã nhiều lần hàn gắn nhưng vẫn không có kết quả. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để ông bà đoàn tụ nhưng ông L cương quyết ly hôn; bà P vắng mặt không lý do và không có văn bản trình bày ý kiến. Qua đó, cho thấy hôn nhân của ông bà thực tế đã lâm vào trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 3 Điều 4 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân dân tối cao, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông L là có cơ sở nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Khi ly hôn ông L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Đào Khả H và con chung Đào Khả H cũng có nguyện vọng được sống với ông L. Bà P không có ý kiến về yêu cầu nuôi dưỡng con chung của ông L và cũng không có yêu cầu về việc nuôi con khi vợ chồng ly hôn. Xét thấy, ông L là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Đào Khả H từ khi ông và bà P sống ly thân. Do đó, để ổn định về tâm lý, về môi trường sống, điều kiện học tập, nơi ở và đảm bảo sự phát triển bình thường của con chung cũng như tôn trọng nguyện vọng của con chung, Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung tên Đào Khả H cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng. Đối với con chung tên Đào Nguyên K hiện đã thành niên và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[2.3] Về cấp dưỡng: Ông L không yêu cầu bà P cấp dưỡng cho con chung nên bà P không phải cấp dưỡng.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông L trình bày không có tài sản chung và nợ chung, bà P không có văn bản trình bày ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử không giải quyết. Trường hợp có tranh chấp thì các bên có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[3] Về án phí dân sự: Ông L phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bà P không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9; Điều 19; Điều 51; Điều 56; Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 4 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân dân tối cao;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Đào Bảo L được ly hôn với bà Huỳnh Thị P.

- Về con chung: Ông Đào Bảo L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Đào Khả H, sinh ngày 15/7/2012. Đối với Đào Nguyên K hiện đã thành niên và có khả năng lao động nên không giải quyết.

- Về cấp dưỡng: Bà Huỳnh Thị P không phải cấp dưỡng cho con chung.

+ Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

+ Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ, người thân thích của con hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

- Về án phí dân sự: Ông Đào Bảo L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009960 ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú, tỉnh An Giang (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 13 - An Giang).

- Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND KV13 – An Giang;
- PTHADS KV13 – An Giang;
- UBND xã Phú Vĩnh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Quang